Mẫu số 09
Mã hiệu: .....
Số: .....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán số 14 ngày 02 tháng 03 năm 2023)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 8**
2. Mã đơn vị: **1049729**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 1220001113349 Ngân hàng Vietinbank- chi nhánh 6 TPHCM

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T3/2023	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác						Tiền khoán	
								Phụ cấp ưu đãi	Hỗ trợ chính sách mầm non 25%	Chế độ cho GV mầm non theo nghị quyết 04	Phụ cấp thêm giờ	Phụ cấp ban thanh tra nhân dân	Phụ cấp trách nhiệm kế toán, thủ quỹ		
1	2	3		4	5	6	8	9						10	12
				272.403.409	**134.820.539**	**8.963.604**	**-**	**43.930.117**	**33.509.430**	**28.100.000**	**21.661.719**	**120.000**	**298.000**	**1.000.000**	
I	**Đối với công chức, viên chức:**			**263.439.805**	**134.820.539**	**-**	**-**	**43.930.117**	**33.509.430**	**28.100.000**	**21.661.719**	**120.000**	**298.000**	**1.000.000**	
1	Ngô Thị Thúy Vân	104876921160	Vietinbank	15.527.797	9.236.882			2.857.820	2.041.300		1.391.795				
2	Nguyễn Thụy Phương Lan	106877607397	Vietinbank	13.874.541	8.134.655			2.607.500	1.862.500		1.269.886				
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	109877582964	Vietinbank	9.747.331	5.511.295			1.924.335	1.374.525		937.176				
4	Đào Thị Thùy Linh	102877607406	Vietinbank	17.992.833	9.981.942			2.935.002	2.096.505	1.550.000	1.429.384				
5	Hoàng Thị Ngọc Loan	104877607417	Vietinbank	15.568.275	8.301.348			2.597.070	1.855.050	1.550.000	1.264.807				
6	Vũ Thị Thanh Xuân	105877607416	Vietinbank	14.997.581	7.937.290			2.503.200	1.788.000	1.550.000	1.219.091				
7	Trần Minh Thu	102877607421	Vietinbank	14.515.333	7.627.239			2.424.975	1.732.125	1.550.000	1.180.994				
8	Phan Thị Kiều Châu	100877607423	Vietinbank	13.715.401	7.033.943			2.331.105	1.665.075	1.550.000	1.135.278				
9	Bùi Thị Minh Thu	105877580524	Vietinbank	13.537.604	7.028.342			2.252.880	1.609.200	1.550.000	1.097.182				
10	Phạm Thị Bích Phượng	108877607413	Vietinbank	13.619.007	7.052.346			2.357.180	1.683.700	1.550.000	975.781				
11	Nguyễn Thị Như Ngọc	106877607415	Vietinbank	12.409.050	6.278.621			2.080.785	1.486.275	1.550.000	1.013.369				
12	Nguyễn Thị Bích Ly	108877607400	Vietinbank	10.371.965	4.929.201			1.736.595	1.240.425	1.550.000	845.744	70.000			
13	Xương Thị Mộng Tuyền	106877607402	Vietinbank	3.877.020				1.736.595	1.240.425	900.000					Nghỉ hộ sản từ tháng 12/2022 đến 5/2023
14	Nguyễn Thị Hồng Vân	103877607418	Vietinbank	13.074.323	6.682.686			2.252.880	1.609.200	1.550.000	929.557	50.000			
15	Bùi Thị Kim Tuyến	103877607420	Vietinbank	9.434.653	4.440.721			1.564.500	1.117.500	1.550.000	761.932				
16	Vương Thị Châu	103877607405	Vietinbank	11.337.693	5.597.576			1.903.475	1.359.625	1.550.000	927.017				
17	Bùi Thị Minh Thủy	107877607401	Vietinbank	9.325.126	4.646.755			1.580.145	1.128.675	1.200.000	769.551				
18	Nguyễn Trần Sơn Thủy	100877607411	Vietinbank	8.167.389	3.844.891			1.418.480	1.013.200	1.200.000	690.818				
19	Trần Thị Chuyền	104877607404	Vietinbank	9.553.906	4.525.535			1.580.145	1.128.675	1.550.000	769.551				
20	Giang Thanh Loan	100877580965	Vietinbank	8.214.705	5.147.503				1.437.850		980.352		149.000	500.000	
21	Mai Thị Thanh Hiệp	101877607407	Vietinbank	6.761.207	2.800.455			1.095.150	782.250	1.550.000	533.352				
22	Dương Thị Liễu	109877607409	Vietinbank	6.761.207	2.800.455			1.095.150	782.250	1.550.000	533.352				
23	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	101877607422	Vietinbank	6.761.207	2.800.455			1.095.150	782.250	1.550.000	533.352				
24	Trịnh Lê Ngọc Hạnh	104877607399	Vietinbank	4.294.651	2.480.403				692.850		472.398		149.000	500.000	
II	**Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)**			**8.963.604**	**-**	**8.963.604**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**		**-**	

1	Nguyễn Kim Loan	100877607408	Vietinbank	4.481.802		4.481.802										
2	Đỗ Minh Sơn	109877607412	Vietinbank	4.481.802		4.481.802										
III	**Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng**			-	-	-	-	-	-	-		-	-	-		

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm lẻ ba ngàn bốn trăm lẻ chín đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Tổng số tiền : 9.886.183 đồng

Lý do chênh lệch:

Tháng 3 truy lãnh lương cô Nguyễn Thị Hồng Vân, số tiền : 2.416.510 đồng

Tháng 3 lãnh tiền thêm giờ tháng 2/2023, số tiền chêch lệch so với tháng trước là 7.469.673 đồng

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giang Thanh Loan

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giang Thanh Loan

Ngày 02 tháng 3 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON 8 QUẬN TÂN BÌNH

Ngô Thị Thúy Vân

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng